

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thực tập lạnh dân dụng (228267) - Nhóm 01**

CBGD: **Đỗ Quang Huy (280022)**

Số SV có mặt:15.....

Số bài thi:15.....

Số tờ giấy thi:15.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Đỗ Quang Huy</i>	<i>Nguyễn Nhung</i>	<i>Đỗ Quang Huy</i>	<i>Nguyễn Nhung</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122180006	CAO NGỌC CƯỜNG	21/04/2003	CCQ2218A			<i>Cường</i>	7,7	7,7	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122180027	NGUYỄN NGỌC ĐẠI	02/07/2004	CCQ2218A			<i>Đại</i>	6,8	6,8	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122180021	LÊ HOÀNG PHÚC	19/03/2004	CCQ2218A			<i>Phúc</i>	6,3	6,3	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122180008	NGUYỄN XUÂN HIỆP	09/07/2004	CCQ2218A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122180020	NGUYỄN HUỲNH	10/05/2004	CCQ2218A			<i>Huỳnh</i>	4,5	4,5	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122180016	HUỲNH BẢO HƯNG	17/09/2004	CCQ2218A			<i>Hưng</i>	7,7	7,7	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122180034	NGUYỄN THÁI KHÈNH	29/08/2003	CCQ2218A			<i>Khênh</i>	7,8	7,8	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122180012	PHẠM MINH KIẾT	01/06/2004	CCQ2218A			<i>Kiệt</i>	8,3	8,3	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122180004	NGUYỄN KHÁNH LINH	03/07/2004	CCQ2218A			<i>Linh</i>	9,0	9,0	9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122180007	ĐÌNH NGUYỄN THÀNH LONG	10/11/2004	CCQ2218A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122180026	LÝ ANH MINH	09/08/2004	CCQ2218A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122180002	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	18/06/2003	CCQ2218A			<i>Nam</i>	4,6	4,6	4,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122180013	NGUYỄN VĂN NGHĨA	27/05/2004	CCQ2218A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122180025	NGUYỄN TRUNG NHUẬN	08/12/2004	CCQ2218A			<i>Nhuận</i>	7,7	7,7	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122180003	NGUYỄN MINH NHỰT	28/10/2004	CCQ2218A			<i>Nhựt</i>	7,5	7,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122180028	NGUYỄN DƯƠNG TẤN PHÁT	05/02/2004	CCQ2218A			<i>Phát</i>	9,2	9,2	9,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122180032	THÁI ĐỨC PHONG	09/04/2004	CCQ2218A			<i>Phong</i>	8,0	8,0	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122180014	TRẦN THANH PHONG	17/03/2004	CCQ2218A			<i>Phong</i>	6,8	6,8	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122180029	NGUYỄN TRỌNG PHÚC	04/08/2004	CCQ2218A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122180049	LÊ VĂN TÍNH	29/12/2004	CCQ2218B			<i>Tính</i>	4,5	4,5	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thực tập lạnh dân dụng (228267) - Nhóm 02**

CBGD: **Đỗ Quang Huy (280022)**

Số SV có mặt: 12

Số bài thi: 12

Số tờ giấy thi: 12

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Đỗ Quang Huy</i>	<i>Vu Đình Nhượng</i>	<i>Đỗ Quang Huy</i>	<i>Vu Đình Nhượng</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122180068	NGUYỄN THÁI BẢO	26/02/2004	CCQ2218B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122180051	NGUYỄN TÙNG	20/11/2004	CCQ2218B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2122180057	VÕ TRƯƠNG	01/01/2004	CCQ2218B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122180047	PHAN PHÚ	26/12/2002	CCQ2218B			<i>Ph</i>	8,3	8,3	8,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122180052	TRẦN VĂN	08/03/2004	CCQ2218B			<i>Trần Văn</i>	7,7	7,7	7,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122180061	LÊ DUY	04/02/2004	CCQ2218B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122180065	NGUYỄN NHẤT	26/11/2003	CCQ2218B			<i>Huy</i>	5,8	5,8	5,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122180041	NGUYỄN HOÀNG	08/03/2004	CCQ2218B			<i>Khôi</i>	8,0	8,0	8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122180024	NGÔ HOÀI	23/06/2004	CCQ2218A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122180009	PHẠM TẤN	15/07/2004	CCQ2218A			<i>Sinh</i>	7,7	7,7	7,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122180001	PHẠM HUỲNH NHẬT	15/10/2000	CCQ2218A			<i>Phạm</i>	8,0	8,0	8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122180019	VÕ QUANG	10/04/2004	CCQ2218A			<i>Thăng</i>	6,3	6,3	6,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122180031	LÊ THANH	22/02/2004	CCQ2218A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122180030	HUỲNH MINH	20/10/2004	CCQ2218A			<i>Minh</i>	7,7	7,7	7,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122180015	CHÂU MINH	25/08/2004	CCQ2218A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122180010	HÀ HỮU	13/05/2002	CCQ2218A			<i>Hữu</i>	8,3	8,3	8,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122180022	NGUYỄN HOÀNG	26/02/2004	CCQ2218A			<i>Tú</i>	7,7	7,7	7,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122180017	NGUYỄN NGỌC	11/09/2004	CCQ2218A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122180033	NGUYỄN THÀNH	19/02/2004	CCQ2218A			<i>Van</i>	7,3	7,3	7,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122180018	NGUYỄN NGHI	06/04/2004	CCQ2218A			<i>Nghi</i>	7,7	7,7	7,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thực tập lạnh dân dụng (228267) - Nhóm 03**

CBGD: **Đỗ Quang Huy (280022)**

Số SV có mặt: 15
Số bài thi: 15
Số tờ giấy thi: 15

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Đỗ Quang Huy</i>	<i>Nguyễn Đình</i>	<i>Đỗ Quang Huy</i>	<i>Nguyễn Đình</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122180062	NGUYỄN HỮU KIẾN	09/11/2003	CCQ2218B			<i>Kiến</i>	7,8	7,8	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122180042	NGUYỄN HUỖNH TUẤN	23/03/2004	CCQ2218B			<i>Kết</i>	7,7	7,7	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122180060	TRẦN QUỐC	07/12/2004	CCQ2218B							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122180054	TRẦN VĂN NAM	03/08/2004	CCQ2218B			<i>Nam</i>	7,8	7,8	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122180043	VĂN THANH NHẬT	24/01/2004	CCQ2218B			<i>Nhật</i>	6,3	6,3	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122180037	PHẠM VĂN NHƠN	05/11/2004	CCQ2218B							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122180044	HUỖNH NHẬT QUANG	10/08/2004	CCQ2218B			<i>Quang</i>	4,0	4,0	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122180066	TRƯƠNG VĂN THẾ	27/01/2004	CCQ2218B			<i>Thế</i>	6,8	6,8	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122180048	VÕ VĂN THIÊN	12/08/2004	CCQ2218B			<i>Thiên</i>	7,8	7,8	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122180064	BÙI NGỌC THIÊN	04/10/2004	CCQ2218B			<i>Thiên</i>	8,0	8,0	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122180046	NGUYỄN VĂN THIẾT	13/11/2004	CCQ2218B			<i>Thiết</i>	8,7	8,7	8,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122180056	NGUYỄN VĂN TIẾN	06/09/2003	CCQ2218B			<i>Tiến</i>	7,7	7,7	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122180035	PHẠM ĐÌNH TIẾN	30/03/2004	CCQ2218B							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122180039	TRẦN VĂN TIẾN	05/11/2004	CCQ2218B			<i>Tiến</i>	6,7	6,7	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122180063	TRẦN QUỐC TÍNH	17/08/2004	CCQ2218B			<i>Tính</i>	6,7	6,7	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122180055	NGUYỄN TẤN TRUNG	16/07/2004	CCQ2218B			<i>Trung</i>	7,0	7,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122180038	NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG	01/10/2004	CCQ2218B							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122180023	NGUYỄN QUỐC TRƯỜNG	21/01/2004	CCQ2218A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122180059	BÁO VĂN ANH TUẤN	22/06/2004	CCQ2218B			<i>Tuấn</i>	7,8	7,8	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122180058	LÊ HÙNG VƯƠNG	12/08/2004	CCQ2218B			<i>Vương</i>	9,0	9,0	9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9